

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 14/2020/HS-PT

Ngày 16-4-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Chu Long Kiếm

Ông Vi Đức Trí

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 16/2020/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Hoàng Văn C và đồng phạm, do có kháng cáo của 21 bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Văn C, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1986 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn C1 (đã chết) và bà Nông Thị M (đã chết); có vợ là Lương Thị S và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 08-4-2019, tạm giam từ ngày 11-4-2019 đến ngày 05-8-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

2. Đinh Văn T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1980 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn L (đã chết) và bà Nông Thị D, sinh năm 1952; có vợ là Nông Thị V và có 02 con; tiền án, tiền

sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Hoàng Văn K, sinh ngày 03 tháng 6 năm 1977 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn P1 (đã chết) và bà Hoàng Thị T (đã chết); vợ là Đinh Thị T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

4. Bế Văn O, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1943 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P1, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hoá: 5/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bế Văn A (đã chết) và bà Đàm Thị Q (đã chết); vợ là Hoàng Thị Đ và có 07 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

5. Nông Thị T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1974 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn C (đã chết) và bà Lâm Thị B (đã chết); chồng là Lý Văn T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, bị tạm giữ ngày 14-3-2019, tạm giam ngày 17-3-2019 đến 20-3-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

6. Lộc Thị N, sinh ngày 23 tháng 07 năm 1975 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lộc Văn C (đã chết) và bà Vi Thị S; chồng là Hoàng Văn Đ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 14-3-2019, tạm giam ngày 17-3-2019 đến 01-4-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

7. Trần Thị X, tên gọi khác: Trần Thị X1, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1962 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Trọng N (đã chết) và bà Chi Thị C (đã chết); chồng là Hoàng Văn T (đã chết) và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

8. Mã Văn S, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1984 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mã Danh B, sinh năm 1949 và bà Lã Thị S, sinh năm 1947; vợ là Hoàng Thị T1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 14-3-2019, tạm giam từ ngày 17-3-2019 đến ngày 01-4-2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

9. Bế Văn L, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1986 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bế Văn M, sinh năm 1956 và bà Nông Thị L, sinh năm 1957; vợ là Nguyễn Thị Y và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 14-3-2019, tạm giam từ ngày 17-3-2019 đến ngày 10-4-2019 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

10. Nông Văn T, sinh ngày 22 tháng 5 năm 1988 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Đình K, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; vợ là Nông Thị Đ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

11. Bế Thành L, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1984 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bế Văn T, sinh năm 1962 và bà Đàm Thị H, sinh năm 1964; vợ là Mã Thị X và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 28-9-2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm về tội Đánh bạc tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2014/HSST (đã được xóa), chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

12. Lê Đình C, sinh ngày 09 tháng 7 năm 1990 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn B, sinh năm 1968 và bà Trần Thị L, sinh năm 1966; vợ là Lý Thị D1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 14-3-2019, tạm

giam từ ngày 17-3-2019 đến ngày 01-4-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

13. Hoàng Văn P, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1994 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn L1, sinh năm 1964 và bà Nông Thị H, sinh năm 1973; vợ là Bé Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 14-3-2019, tạm giam từ ngày 17-3-2019 đến ngày 10-4-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

14. Lý Thị D, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1964 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Hồng P (đã chết) và bà Lã Thị D (đã chết); chồng là Lương Văn H và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ ngày 14-3-2019, tạm giam từ ngày 17-3-2019 đến ngày 10-4-2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

15. Hoàng Văn L, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1968 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T1 (đã chết) và bà Lương Thị C (đã chết); vợ là Lý Thị Q và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; vắng mặt.

16. Triệu Văn Đ, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1978 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Triệu Trần B (đã chết) và bà Sầm Thị N (đã chết); vợ là Lã Thị T và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt để tạm giam từ ngày 16-8-2019 đến ngày 07-11-2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

17. Đinh Văn Đ, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1983 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn T (đã chết) và bà Nông Thị B, sinh năm 1957; vợ là Nông Thị L1 và có 03 con; tiền

án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

18. Lã Văn Đ, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1987 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lã Văn P (đã chết) và bà Triệu Thị P, sinh năm 1960; vợ là Hoàng Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

19. Chu Văn H, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1985 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn M, sinh năm 1954 và bà Đinh Thị T1, sinh năm 1956; vợ là Hoàng Thị C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

20. Nông Thị X, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1979 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn B (đã chết) và bà Nông Thị C (đã chết); chồng là Lý Văn H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

21. Nguyễn Văn T, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1994 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Bé Thị D, sinh năm 1952; vợ là Hoàng Thị T2 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, hiện tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có 08 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn K:* Bà Lương Thị Kim M, Luật sư Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Đ, Lã Văn Đ, Nông Thị T, Mã Văn S:* Bà Lương Thị H, Luật sư Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Thị X:* Ông Dương Hữu M, Luật sư Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ, ngày 13-3-2019, tại đồi B, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, cơ quan chức năng đã phát hiện bắt quả tang nhiều đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa, đã bắt giữ 11 đối tượng, còn một số đối tượng bỏ chạy. Số tiền thu được trên chiếu bạc là 14.150.000 đồng cùng một số tang vật khác. Qua điều tra xác định được trong tháng 3-2019, Hoàng Văn C đã 03 lần tổ chức cho nhiều người đánh bạc (xóc đĩa) thu tiền hồ và cho vay lấy lãi, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 21 giờ ngày 10-3-2019, Hoàng Văn C chuẩn bị dụng cụ như bạt căng làm lều, ắc quy để thắp sáng, bát đĩa, ghế ngồi, quân vị cho mọi người đánh bạc dưới cây mắc mật cạnh miếu thổ công, đồi B, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Hoàng Văn C đã phân công Lã Văn C canh gác tại đường mòn cách vị trí đánh bạc khoảng 70m; Nông Văn C canh gác trước nhà bà Hoàng Thị Đ và Nông Văn B canh gác ở khu vực nhà của Hoàng Văn C để cho 07 bị cáo đến đánh bạc, cụ thể:

1. Bé Thành L, đem theo vài trăm nghìn đồng, tham gia đánh bạc được một lúc thì thua hết tiền. Sau đó, đã vay Hoàng Văn C 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, cầm cái xóc đĩa cho mọi người, đến khi thắng được 5.000.000 đồng thì trả lại Hoàng Văn C và không đánh nữa.

2. Triệu Văn Đ không đem theo tiền mà 02 lần vay của Hoàng Văn C với tổng số tiền 8.000.000 đồng tại xới bạc để đánh bạc. Bị cáo tham gia đặt cửa nhiều ván nhưng bị thua đi số tiền 4.000.000 đồng thì không đánh nữa.

3. Đinh Văn Đ đến xới bạc không đem theo tiền mà vay của Hoàng Văn C 5.000.000 đồng tại xới bạc với mục đích để sửa ô tô nhưng đã đem tiền ra để đánh bạc, bị cáo tham gia đặt cửa nhiều ván và bị thua số tiền 1.200.000 đồng.

4. Bé Văn X đem theo 500.000 đồng để đánh bạc, tại xới bạc bị cáo nộp 100.000 đồng tiền hồ cho Hoàng Văn C, số còn lại bị cáo sử dụng đặt cửa được một lúc thì thua hết và đã vay Hoàng Văn C 5.000.000 đồng tại xới bạc để đánh bạc. Bị cáo tham gia đặt cửa nhiều ván nhưng bị thua đi số tiền 1.000.000 đồng thì không đánh nữa.

5. Nguyễn Văn T đem theo 500.000 đồng để đánh bạc, bị cáo đã nộp 100.000 đồng tiền hồ cho Hoàng Văn C, đánh một lúc thì thua hết tiền đem theo và vay Hoàng Văn C 3.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Đến hơn 01 giờ ngày 11-3-2019, bị cáo vẫn giữ được số tiền trên, thắng được một ít tiền thì trả lại số tiền đã vay cho Hoàng Văn C và đi về.

6. Lý Thị D đem theo 500.000 đồng để đánh bạc, đánh được một lúc thì thua hết và vay Hoàng Văn C 2.000.000 đồng để tiếp tục đánh thì bị thua. Khi nghỉ đánh, bị cáo còn lại 1.100.000 đồng đem về nhà và chưa trả lại số tiền đã vay cho Hoàng Văn C.

7. Lộc Thị N không đem theo tiền mà vay Hoàng Văn C 2.000.000 đồng sử dụng đánh bạc cùng mọi người nhưng Hoàng Văn C chỉ đưa 1.800.000 đồng và trừ 200.000 đồng tiền lãi. Sau khi đánh bạc xong, bị cáo đã trả lại Hoàng Văn C số tiền đã vay.

Tổng số tiền dùng đánh bạc trong tối ngày 10-3-2019 của 07 bị cáo là 31.100.000 đồng, trong đó 1.300.000 đồng do các đối tượng đem theo để đánh bạc, còn 29.800.000 đồng là khoản tiền thực tế các bị cáo nhận được khi vay Hoàng Văn C tại xới bạc để đánh bạc. Hoàng Văn C thu được 200.000 đồng tiền hồ, 900.000 đồng tiền lãi vay; số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Lý Thị D vay để đánh bạc hiện chưa trả bị cáo Hoàng Văn C. Tổng số tiền trong lần đánh bạc này Hoàng Văn C cho vay đánh bạc, thu lãi bất chính, tiền hồ là 28.000.000 đồng, sau khi đã trả tiền công cảnh giới. Nông Văn B, Nông Văn C, Lã Văn C thu lợi bất chính mỗi người 300.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 21 giờ ngày 11-3-2019, Hoàng Văn C chuẩn bị dụng cụ như bạt, ắc quy, bóng điện để thắp sáng, bát, đĩa, ghế ngồi, quân vị cho mọi người đánh bạc dưới gốc cây tre tại đồi B, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Hoàng Văn C phân công Lã Văn C canh gác ở mỏm đá cạnh miếu thổ công thuộc đường liên thôn K - S, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nông Văn C canh gác tại đường liên thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cách vị trí đánh bạc khoảng 125m; Nông Văn B canh gác tại vị trí cũ và phân công thêm Đỗ Văn H canh gác tại đường vào đầu thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để cho 07 bị cáo đến đánh bạc, cụ thể:

1. Bế Thành L đem theo vài trăm nghìn để đánh bạc và vay Hoàng Văn C 04 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng để cầm cái xóc đĩa cho mọi người. Ở lần đánh bạc này, bị cáo đã trả lại Hoàng Văn C toàn bộ số tiền vay và bị thua hết số tiền mang theo.

2. Hoàng Văn L không đem theo tiền đến xới bạc mà vay Hoàng Văn C 1.000.000 đồng tại xới bạc để đánh bạc. Bị cáo tham gia đặt cửa nhiều ván, mỗi ván 100.000 đồng thì bị thua hết số tiền vay Hoàng Văn C.

3. Nông Thị X đến xới bạc vay Hoàng Văn C số tiền 1.000.000 đồng với mục đích để đi mua phân lân. Tại xới bạc, bị cáo tham gia đặt cửa lẻ số tiền 100.000 đồng nhưng bị thua nên không chơi nữa mà đi về. Số tiền này hiện bị cáo vẫn chưa trả cho Hoàng Văn C.

4. Nguyễn Văn P không đem theo tiền đến xới bạc mà vay Hoàng Văn C số tiền 10.000.000 đồng tại xới bạc với mục đích để đi mua máy gặt lúa. Hoàng Văn C nhất trí cho vay nhưng chỉ đưa cho bị cáo 9.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền lãi vay. Sau đó, bị cáo đem số tiền vay này tham gia đánh bạc nhiều ván và thắng bạc số tiền 1.500.000 đồng.

5. Bế Văn X mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Sau khi bị thua hết tiền, bị cáo vay Hoàng Văn C 05 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng tại xới bạc để đánh bạc.

6. Bế Văn Ơ được vay Hoàng Văn C số tiền 5.000.000 đồng với mục đích để trả tiền hàng. Khi biết mọi người đang đánh bạc, bị cáo lên xới bạc và nộp tiền hồ cho Hoàng Văn C 100.000 đồng rồi tham gia đánh ba ván mỗi ván 100.000 đồng thì nghỉ đánh. Đến khoảng đầu tháng 4-2019, bị cáo đã trả số tiền vay cho Lương Thị S là vợ của Hoàng Văn C.

7. Nguyễn Văn T đem theo 600.000 đồng đến xới bạc, nộp 100.000 đồng tiền hồ cho Hoàng Văn C rồi sử dụng 500.000 đồng để đặt cửa được một lúc thì thua hết. Sau đó, bị cáo vay Hoàng Văn C số tiền 15.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 02 giờ ngày 12-3-2019, bị cáo gỡ lại được số tiền đã vay và trả lại cho Hoàng Văn C và đi về.

Tổng số tiền dùng đánh bạc trong tối ngày 11-3-2019 của 07 bị cáo là 96.400.000 đồng, trong đó: 1.400.000 đồng do các bị cáo mang theo để đánh bạc, còn 95.000.000 đồng là khoản tiền thực tế các bị cáo nhận được khi vay Hoàng Văn C tại xới bạc để đánh bạc; Hoàng Văn C thu được 200.000 đồng tiền hồ và 1.600.000 đồng tiền lãi vay. Đến nay các bị cáo đã trả hết tiền đã vay cho Hoàng Văn C. Tổng số tiền Hoàng Văn C cho vay, thu lãi và thu tiền hồ là 97.800.000 đồng, sau khi đã trả tiền công canh giới. Hoàng Văn C đã trả tiền công canh gác cho Nông Văn B, Nông Văn C, Lã Văn C mỗi người 300.000 đồng, riêng Đỗ Văn H được Hoàng Văn C trả 700.000 đồng tiền công trông đường canh gác. Tổng số tiền mà Hoàng Văn C cho vay, thu lãi bất chính để đánh bạc, thu tiền hồ sau khi đã trả tiền canh giới, canh gác là 96.200.000 đồng.

Lần 3: Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 13-3-2019, Hoàng Văn C giao cho Lã Văn C dọn dẹp địa điểm đánh bạc tại khu vực gốc cây mắc mật dưới miếu thổ công, khu đồi B, thôn T, xã T, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn; Nông Văn C mang bát; Hoàng Văn C đem theo 23 chiếc ghế nhựa, 01 bình ắc quy để thắp sáng, 01 bộ bát đĩa và 04 quân vị đã chuẩn bị sẵn từ trước đến vị trí đã dọn để tổ chức xới bạc cho mọi người đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Tổ chức xong địa điểm đánh bạc, Hoàng Văn C phân công Lã Văn C canh gác ở mỏm đá cạnh miếu thổ công thuộc đường liên thôn K - S, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nông Văn C canh gác tại khu vực đông đồi thuộc thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn cách vị trí đánh bạc khoảng 350m; Nông Văn B canh gác ở khu vực nhà của Hoàng Văn C; Đỗ Văn H canh gác tại đường vào đầu thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Đinh Văn T canh giới ở mỏm đá đầu đường liên thôn K - S, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để tổ chức cho 17 bị cáo đến tham gia đánh bạc đến 23 giờ cùng ngày thì bị phát hiện bắt quả tang, cụ thể:

1. Bế Thành L mang theo 4.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo nộp tiền hồ cho Hoàng Văn C 100.000 đồng và trực tiếp cầm cái xóc đĩa cho mọi người đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang bị cáo vẫn còn số tiền khoảng 4.000.000 đồng bỏ lại tại chiếu bạc và chạy thoát.

2. Nông Văn T mang theo 400.000 đồng để đánh bạc và bị cáo là người cầm bảng vị cho mọi người đánh bạc nhưng không ai đánh nên bị cáo cất bảng vị và tham gia đánh chẵn lẻ cùng mọi người. Bị cáo đánh 04 ván, mỗi ván

100.000 đồng đến 200.000 đồng, khi bắt quả tang còn hơn 300.000 đồng bỏ lại chiếu bạc và chạy thoát.

3. Trần Thị X mang theo 120.000 đồng để đánh bạc, tham gia đặt cửa 02 ván 50.000 đồng đều bị thua.

4. Lộc Thị N mang theo 300.000 đồng để đánh bạc, bị cáo nộp tiền hồ cho Hoàng Văn C 100.000 đồng, tham gia đặt cửa 03 ván mỗi ván 50.000 đồng nhưng đều bị thua.

5. Mã Văn S mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, bị cáo nộp tiền hồ cho Hoàng Văn C 50.000 đồng rồi tham gia đặt cửa 03 ván, mỗi ván 50.000 đồng nhưng đều bị thua.

6. Hoàng Văn K mang theo 110.000 đồng để đánh bạc, bị cáo đánh 02 ván đều đặt cửa lẻ, mỗi ván đặt 30.000 đồng nhưng bị thua, ván thứ ba đặt cửa chẵn 50.000 đồng thì bị bắt quả tang.

7. Nông Thị T đem theo 20.000 đồng, tham gia đánh 01 ván với số tiền đặt cửa là 20.000 đồng thì bị thua.

8. Lý Thị D mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, tham gia đánh 04 ván, mỗi ván 100.000 đồng.

9. Lương Thị S, là vợ của Hoàng Văn C, được mang thuốc lá, nước ngọt đến bán cho những người tham gia đánh bạc, khi bán được số tiền khoảng 400.000 đồng thì bị cáo tham gia đánh bạc 04 ván, mỗi ván đặt cửa 50.000 đồng đến 100.000 đồng vào cửa lẻ nhưng đều bị thua.

10. Lê Đình C đem theo 800.000 đồng để đánh bạc, bị cáo nộp 100.000 đồng tiền hồ cho Hoàng Văn C, rồi sử dụng 700.000 đồng đánh một lúc bị thua hết nên vay Hoàng Văn C 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Quá trình bắt quả tang đã thu giữ trên người bị cáo số tiền 60.000 đồng.

11. Bế Văn Ở có đem theo 6.181.000 đồng, bị cáo nộp cho Hoàng Văn C 100.000 đồng tiền hồ và chỉ sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo tham gia đánh 03 ván thì bị bắt quả tang và thu giữ số tiền 5.881.000 đồng. Số tiền thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc đánh bạc.

12. Bế Văn L đem theo 400.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo tham gia đánh một lúc bị thua nên đã vay Hoàng Văn C số tiền 3.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc nhưng Hoàng Văn C chỉ đưa cho bị cáo 2.700.000 đồng và trừ 300.000 đồng lãi vay.

13. Hoàng Văn P mang theo 400.000 đồng để đánh bạc, tham gia đánh 04 ván thì bị thua nên đã vay Hoàng Văn C số tiền 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc nhưng Hoàng Văn C đưa 4.500.000 đồng và trừ 500.000 đồng lãi vay. Sau đó, bị cáo sử dụng số tiền 4.500.000 đồng này để tiếp tục đánh bạc và bị thua một ít, số còn lại bỏ tại chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

14. Chu Văn H đem theo 400.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ cho Hoàng Văn C rồi tham gia đánh được 03 ván mỗi ván đặt cửa 100.000 đồng nhưng đều bị thua nên đi về trước.

15. Nguyễn Văn H mang theo 1.900.000 đồng để đánh bạc và nộp 200.000 đồng tiền hồ cho Hoàng Văn C. Số còn lại bị cáo sử dụng đặt cửa được một lúc thì bị thua hết nên đã hỏi vay Hoàng Văn C 10.000.000 đồng để đánh bạc nhưng Hoàng Văn C chỉ đưa cho bị cáo 9.000.000 đồng và trừ 1.000.000 đồng lãi vay. Sau đó, bị cáo sử dụng số tiền này để tiếp tục đánh bạc và thua khoảng 1.000.000 đồng, số còn lại bị cáo đã đánh rơi lúc bỏ trốn khi bị bắt quả tang.

16. Lã Văn Đ không đem theo tiền mà vay Hoàng Văn C 3.000.000 đồng tại xới bạc để đánh bạc, bị cáo tham gia đặt cửa 02 ván mỗi ván 50.000 đồng thì bị thua nên nghỉ đánh đi về nhà.

17. Nguyễn Văn T đem theo 400.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo nộp 100.000 đồng tiền hồ cho Hoàng Văn C, sử dụng 300.000 đồng để đặt cửa được một lúc bị thua hết. Sau đó, bị cáo vay Hoàng Văn C 2.000.000 đồng rồi tiếp tục đánh bạc nhưng tiếp tục bị thua hết nên đi về trước.

Tổng số tiền dùng đánh bạc trong tối ngày 13-3-2019 của 17 bị cáo là 36.150.000 đồng, trong đó: Số tiền các bị cáo mang theo để đánh bạc là 9.950.000 đồng, còn 26.200.000 đồng là khoản tiền thực tế các bị cáo nhận được khi vay Hoàng Văn C tại xới bạc để đánh bạc; Hoàng Văn C đã thu được 750.000 đồng tiền hồ và tiền lãi 1.800.000 đồng, Hoàng Văn C chưa trả tiền công canh gác cho Nông Văn B, Nông Văn C, Lã Văn C, Đỗ Văn H và Đinh Văn T vì xới bạc bị bắt quả tang. Tổng số tiền Hoàng Văn C cho vay đánh bạc, thu lãi và thu tiền hồ là 28.850.000 đồng. Các bị cáo Lê Đình C, Bế Văn L, Hoàng Văn P, Nguyễn Văn H, Lã Văn Đ, Nguyễn Văn T chưa trả tiền đã vay để đánh bạc cho Hoàng Văn C.

Tổng số tiền Hoàng Văn C cho vay, tiền lãi, thu tiền hồ sau khi đã trả tiền cảnh giới trong 3 lần tổ chức đánh bạc trái phép là: Ngày 10-3-2019 là 28.000.000 đồng; ngày 11-3-2019 là 97.800.000 đồng; ngày 13-3-2019 là 2.650.000 đồng; tổng cộng là 128.450.000 đồng. Bị cáo Nông Văn B, Lã Văn C, Nông Văn C thu lợi bất chính mỗi người là 600.000 đồng; Đỗ Văn H là 700.000 đồng. Các bị cáo chưa trả tiền vay đánh bạc cho Hoàng Văn C bao gồm: Lý Thị D chưa trả 2.000.000 đồng; Lê Đình C chưa trả là 5.000.000 đồng; Bế Văn L chưa trả 2.700.000 đồng; Hoàng Văn P chưa trả 4.500.000 đồng; Nguyễn Văn H chưa trả 9.000.000 đồng; Lã Văn Đ chưa trả 3.000.000 đồng; Nguyễn Văn T chưa trả 2.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Áp dụng các điểm a, c, d khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự

2015; xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 03 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc(được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án

Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Đinh Văn T 18 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bé Thành L 03 năm 06 tháng tù về tội Đánh bạc; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 03 năm tù về tội Đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Thị X 03 năm tù về tội Đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bé Văn O 18 tháng tù về tội Đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lý Thị D 18 tháng tù về tội Đánh bạc (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Văn T 12 tháng tù về tội Đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Đình C, Đình Văn Đ, Hoàng Văn P, Lộc Thị N, Triệu Văn Đ mỗi bị cáo 18 tháng tù về tội Đánh bạc (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam); xử phạt bị cáo Lã Văn Đ 15 tháng tù về tội Đánh bạc; xử phạt bị cáo Bé Văn L 12 tháng tù về tội Đánh bạc (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam); xử phạt bị cáo Chu Văn H 12 tháng tù về tội Đánh bạc; xử phạt bị cáo Mã Văn S 10 tháng tù về tội Đánh bạc (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam); xử phạt bị cáo Trần Thị X, Hoàng Văn K mỗi bị cáo 10 tháng tù về tội Đánh bạc; xử phạt bị cáo Nông Thị T 06 tháng tù về tội Đánh bạc (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam). Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt tiền để nộp ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo (có kháng cáo), cụ thể: Phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Văn C 30.000.000 đồng. Phạt tiền đối với các bị cáo Đinh Văn T, Bé Thành L mỗi bị cáo 20.000.000 đồng. Phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn T 15.000.000 đồng. Phạt tiền đối với các bị cáo Nông Thị X, Lê Đình C, Đinh Văn Đ, Hoàng Văn P, Lộc Thị N, Triệu Văn Đ, Lã Văn Đ, Bé Văn L, Lý Thị D, Chu Văn H, Nông Văn T, Mã Văn S, Hoàng Văn K, Nông Thị T, Trần Thị X mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với 08 bị cáo khác, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Bị cáo Hoàng Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền).

Các bị cáo Triệu Văn Đ, Hoàng Văn P, Nông Văn T, Đinh Văn Đ, Lê Đình C, Lã Văn Đ, Bé Văn L, Nông Thị X, Bé Văn O, Chu Văn H, Nông Thị T, Hoàng Văn L kháng cáo xin hưởng án treo.

Các bị cáo Mã Văn S, Lộc Thị N, Trần Thị X, Lý Thị D, Hoàng Văn K, Nguyễn Văn T, Đinh Văn T, Bé Thành L kháng cáo xin hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Hoàng Văn C, Đinh Văn T, Lộc Thị N, Bé Thành L, Lý Thị D, Nguyễn Văn T, Bé Văn O xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Các bị cáo Mã Văn S, Hoàng Văn K, Trần Thị X xin rút một phần kháng cáo, cụ thể các bị cáo xin rút kháng cáo về việc miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền); các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

Các bị cáo Triệu Văn Đ, Hoàng Văn P, Nông Văn T, Đinh Văn Đ, Lê Đình C, Lã Văn Đ, Bé Văn L, Chu Văn H, Nông Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Hoàng Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Nông Thị X bổ sung kháng cáo, bị cáo xin giảm hình phạt tù và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đối với kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn C, Đinh Văn T, Lộc Thị N, Bé Thành L, Lý Thị D, Nguyễn Văn T, Bé Văn O thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo này xin rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng

cáo của các bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lộc Thị N, Lý Thị D vì không đúng quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nông Thị X thấy rằng: Bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội Đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đánh giá đúng nhân thân, vai trò của bị cáo trong vụ án để quyết định mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp thêm 01 Biên lai thu tiền nộp ngân sách Nhà nước thể hiện bị cáo đã nộp số tiền phạt 10.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nhưng xét thấy tình tiết này không làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt tù và xin hưởng án treo của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của 13 bị cáo khác thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã kết án bị cáo Hoàng Văn L về tội Đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan; kết án 12 bị cáo khác (có kháng cáo) về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Hoàng Văn L tuy vắng mặt tại phiên toà nhưng đã cung cấp hồ sơ bệnh án cấp tỉnh thể hiện: Bị cáo bị nhồi máu não dẫn đến bị liệt $\frac{1}{2}$ người phải, sinh hoạt cần người hỗ trợ; 12 bị cáo gồm có bị cáo Hoàng Văn K, Triệu Văn Đ, Hoàng Văn P, Nông Văn T, Đinh Văn Đ, Lê Đình C, Lã Văn Đ, Bé Văn L, Chu Văn H, Nông Thị T, Mã Văn S, Trần Thị X đã cung cấp Biên lai thu tiền thể hiện các bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung và tiền bị truy thu. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm đối với 13 bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của 13 bị cáo.

Bà Lương Thị Kim M là người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn K đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 10 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Bà Lương Thị H là người bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn Đ, Lã Văn Đ, Nông Thị T, Mã Văn S nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với các vấn đề của các bị cáo Triệu Văn Đ, Lã Văn Đ, Nông Thị T, Mã Văn S mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Ông Dương Hữu M là người bào chữa cho bị cáo Nông Thị X trình bày: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội với

số tiền đánh bạc ít; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp số tiền phạt bổ sung là 10.000.000 đồng. Trong 03 lần bị cáo Hoàng Văn C tổ chức đánh bạc thì bị cáo chỉ tham gia 01 lần duy nhất chơi 01 ván với số tiền 100.000 đồng, điều đó thể hiện bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò thấp so với các bị cáo khác. Việc bị cáo tham gia đánh bạc là nhất thời, khi bị thua bị cáo đã từ bỏ việc đánh bạc và đi về. Bị cáo bị xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 do ảnh hưởng của mức tiền đánh bạc của các bị cáo khác. Xét thấy, mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, Bản án sơ thẩm đã không cá thể hoá đồng phạm, không xem xét tính chất mức độ tham gia của từng bị cáo; bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt tù và cho hưởng án treo; căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Hoàng Văn L bị nhồi máu não dẫn đến bị liệt $\frac{1}{2}$ người phải, sinh hoạt cần người hỗ trợ; bị cáo đã có đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của chính quyền địa phương). Xét thấy, sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo và bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Văn C về tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xét xử bị cáo Đinh Văn T về tội Tổ chức đánh bạc theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015; xét xử bị cáo Bé Thành L, Nông Thị X, Nguyễn Văn T, Hoàng Văn L, Bé Văn Ở về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xét xử các bị cáo Triệu Văn Đ, Hoàng Văn P, Nông Văn T, Đinh Văn Đ, Lê Đình C, Lã Văn Đ, Bé Văn L, Chu Văn H, Nông Thị T, Mã Văn S, Trần Thị X (tên gọi khác Trần Thị X1), Lý Thị D, Hoàng Văn K, Lộc Thị N về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Văn C, Đinh Văn T, Lộc Thị N, Bé Thành L, Lý Thị D, Nguyễn Văn T, Bé Văn Ở đã rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc các bị cáo rút toàn bộ kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận việc rút kháng cáo, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm; nội dung kháng cáo của các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nông Thị X thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng về nhân thân, vai trò, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Mức hình phạt của Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra nên không có căn cứ giảm hình phạt cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã nộp đầy đủ tiền phạt bổ sung là 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền nộp ngân sách Nhà nước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của 13 bị cáo đó là Hoàng Văn K, Triệu Văn Đ, Hoàng Văn P, Nông Văn T, Đinh Văn Đ, Lê Đình C, Lã Văn Đ, Bé Văn L, Chu Văn H, Nông Thị T, Hoàng Văn L, Mã Văn S, Trần Thị X thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét khách quan, toàn diện vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo và đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra. Riêng đối với bị cáo Trần Thị X, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đó là: Bị cáo được Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lạng Sơn tặng Bằng khen, bị cáo có tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ, bố của bị cáo là ông Trần Trọng N được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm vấn đề này. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Hoàng Văn L cung cấp hồ sơ bệnh án điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Bị cáo bị nhồi máu não dẫn đến bị liệt $\frac{1}{2}$ người phải, sinh hoạt cần người hỗ trợ. Các bị cáo khác (12 bị cáo) đã nộp đầy đủ tiền phạt bổ sung, tiền bị truy thu thể hiện tại các Biên lai thu tiền, Biên lai thu tiền nộp ngân sách Nhà nước tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn vào các ngày 13-01-2020, 04-02-2020, 06-02-2020, 12-02-2020, 26-02-2020, 27-02-2020, 28-02-2020, 02-3-2020, 09-3-2020, 11-3-2020, 09-4-2020 cụ thể: Bị cáo Hoàng Văn K, Trần Thị X, Mã Văn S, Nông Thị T, Nông Văn T, Triệu Văn Đ, Đinh Văn Đ, Chu Văn H mỗi bị cáo đã nộp tiền số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo Bé Văn L đã nộp số tiền 12.700.000 đồng; bị cáo Lê Đình C đã nộp số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Hoàng Văn P nộp số tiền 14.500.000 đồng, bị cáo Lã Văn Đ đã nộp số tiền

13.000.000 đồng. Điều đó cho thấy 12 bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà 13 bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, 13 bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của 13 bị cáo.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, của những người bào chữa cho các bị cáo, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do rút kháng cáo nên bị cáo Hoàng Văn C, Đinh Văn T, Lộc Thị N, Bé Thành L, Lý Thị D, Nguyễn Văn T, Bé Văn Ở không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Hoàng Văn K, Trần Thị X, Mã Văn S, Nông Thị T, Bé Văn L, Nông Văn T, Lê Đình C, Hoàng Văn P, Triệu Văn Đ, Đinh Văn Đ, Lã Văn Đ, Chu Văn H, Hoàng Văn L, Nông Thị X không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn C, Đinh Văn T, Lộc Thị N, Bé Thành L, Lý Thị D, Nguyễn Văn T, Bé Văn Ở. Nội dung quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 31-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với nội dung có kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn C, Đinh Văn T, Lộc Thị N, Bé Thành L, Lý Thị D, Nguyễn Văn T, Bé Văn Ở có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt tù của bị cáo Nông Thị X; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hoàng Văn K, Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị X1), Mã Văn S, Nông Thị T, Bé Văn L, Nông Văn T, Lê Đình C, Hoàng Văn P, Triệu Văn Đ, Đinh Văn Đ, Lã Văn Đ, Chu Văn H, Hoàng Văn L, Nông Thị X; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 31-12-2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt tù đối với các bị cáo Hoàng Văn K, Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị X1), Mã Văn S, Nông Thị T, Bé Văn L, Nông Văn T, Lê Đình C, Hoàng Văn P, Triệu Văn Đ, Đinh Văn Đ, Lã Văn Đ, Chu Văn H, Hoàng Văn L, Nông Thị X, cụ thể như sau:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Thị X 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Đình C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Đinh Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lã Văn Đ 01 (một) năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bé Văn L 01 (một) năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.9. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Chu Văn H 01 (một) năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.10. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.11. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Mã Văn S 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.12. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị X1) 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.13. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

2.14. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nông Thị T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-4-2020.

Giao các bị cáo Lê Đình C, Đinh Văn Đ, Hoàng Văn P, Triệu Văn Đ, Lã Văn Đ, Bế Văn L, Chu Văn H, Nông Văn T, Mã Văn S, Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị X1), Hoàng Văn K, Nông Thị T, Hoàng Văn L, Nông Thị X cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hoàng Văn C, Đinh Văn T, Lộc Thị N, Bế Thành L, Lý Thị D, Nguyễn Văn T, Bế Văn O, Hoàng Văn K, Trần Thị X (tên gọi khác: Trần Thị X1), Mã Văn S, Nông Thị T, Bế Văn L, Nông Văn T, Lê Đình C, Hoàng Văn P, Triệu Văn Đ, Đinh Văn Đ, Lã Văn Đ, Chu Văn H, Hoàng Văn L, Nông Thị X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.T, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa